

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118/CBTT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 20 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2023.
9. Địa chỉ Website đăng tải công văn tại www.yfatuf.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY
CỔ PHẦN
LÂM
NÔNG
SẢN
THỰC
PHẨM
YÊN BÁI

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
LÂM NÔNG SẢN THỰC
PHẨM YÊN BÁI
DN: C=VN, S=YÊN BÁI,
L=Thành phố Yên Bái,
CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI,
OID.0.9.2342.19200300
.100.1.1=MST:
5200116441
Reason: I am the author
of this document
Location: 123456789
Date: 2023.11.20
14:13:44+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 11.1.0





CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc – Thành phố Yên Bái – Yên Bái

Điện thoại: 0216.3862278 / Fax: 0216.3862804

Email: yfatuf@gmail.com – Website: www.yfatuf.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

I. Thông tin chung

1. Khái quát

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Tên giao dịch quốc tế : YENBAI JOINT – STOCKS FOREST AGRICULTURAL PRODUCTS AND FOODSTUFF COMPANY

Tên viết tắt : YFATUF

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200116441 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần 13 ngày 15 tháng 06 năm 2023

Vốn điều lệ : 100.529.200.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính : Số nhà 279 - đường Nguyễn Phúc - phường Nguyễn Phúc - thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái

Điện thoại : 0216.3862.278

Fax : 0216.3862.804

Website : www.yfatuf.com.vn

Email : yfatuf@gmail.com

Mã chứng khoán : CAP

- Quá trình hình thành và phát triển Công ty:

+ Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái tiền thân là Nhà máy giấy Yên Bái được thành lập từ năm 1972. Công ty đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường. Đến năm 1994 được thành lập lại và đổi tên là Công ty chế biến lâm nông sản thực phẩm Yên Bái theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ UB ngày 27 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh Yên Bái, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty chế biến lâm nông sản thực phẩm Yên Bái thành Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái.

+ Công ty Cổ phần chính thức hoạt động từ 01.10.2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000045 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp 01/10/2004.

+ Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp 13 lần giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200116441 cấp thay đổi lần thứ 13 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 15/6/2023.

+ Ngày 09.01.2008 chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại sàn Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và sản phẩm

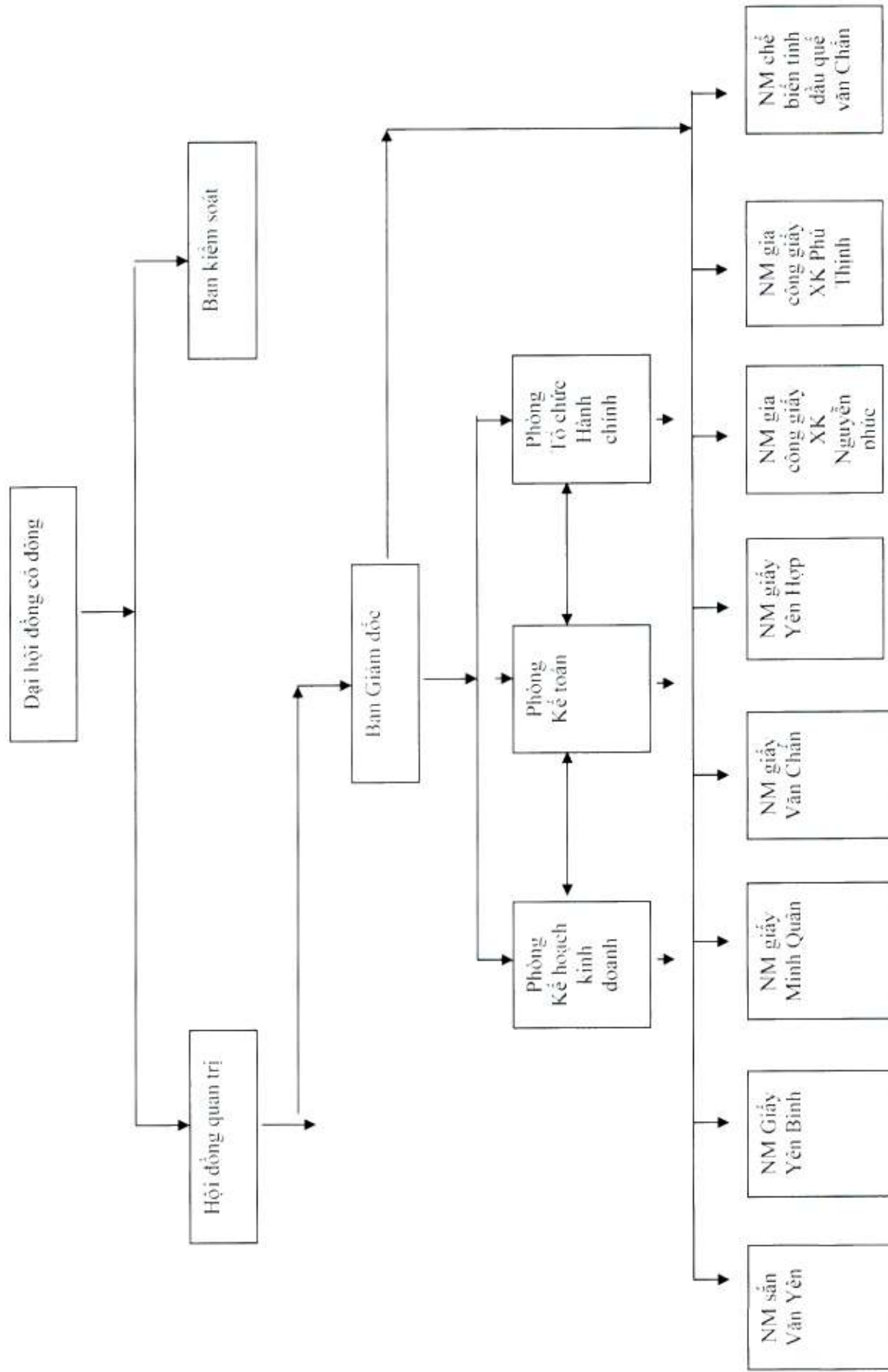
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

- Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản.
- Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phụ tùng, vật tư, thiết bị, hàng hóa tổng hợp.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, thương mại tổng hợp; dịch vụ khách sạn, nhà hàng, cho thuê văn phòng.

- Sản phẩm chủ yếu hiện nay tại Công ty:

-	Giấy đế
-	Giấy vàng mã
-	Tinh bột sắn
-	Bã sắn khô
-	Tinh dầu quế

3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển doanh nghiệp

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Tập trung ổn định sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống.

Thực hiện mọi biện pháp tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo lợi thế và tiềm lực tài chính cho thực hiện chiến lược phát triển Công ty giai đoạn tiếp theo.

+ Xây dựng các phương án đầu tư, cải tạo các nhà máy hiện có nhằm tăng năng xuất, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty.

+ Đầu tư vùng nguyên liệu ổn định bền vững thông qua nhiều hình thức.

+ Về nhân sự: Xây dựng phương án quy hoạch và đào tạo cán bộ chủ chốt giai đoạn 2020- 2025 và các năm tiếp theo.

+ Chăm lo đời sống từ vật chất tới tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án mới, khả thi để thực hiện đầu tư nhằm phát triển Công ty.

+ Doanh thu: Đạt trên 1.000 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: Đạt trên 150 tỷ đồng

+ Vốn điều lệ: Trên 150 tỷ đồng

- Mục tiêu phát triển bền vững: Chú trọng đầu tư cải thiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất.

5. Hạn chế và thách thức

- Nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất ngày càng thu hẹp, chưa có vùng nguyên liệu tập trung, đặc biệt cho sản xuất giấy đế (nguyên liệu chủ yếu là cây tre, bương), nguyên liệu sản củ tươi cạnh tranh gay gắt với nhiều đơn vị chế biến trong khu vực.

- Máy móc thiết bị chưa được đổi mới, chủ yếu mang tính thủ công, sử dụng nhiều lao động, khó có khả năng tăng năng suất lao động.

- Thị trường tiêu thụ chủ yếu Trung Quốc, Đài Loan - Trung Quốc, do đó chịu sự cạnh tranh cao.

II. Hoạt động trong niên độ 2022-2023

1. Sản xuất kinh doanh

- Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022-2023	Thực hiện 2021-2022	So sánh
Doanh thu (tỷ đồng)	580	611	105 %
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	70	114	162 %

- So sánh với năm trước:

Chỉ tiêu	2020-2021		2021-2022		2022-2023	
	ST	% tăng trưởng so với năm trước liên kế	ST	% tăng trưởng so với năm trước liên kế	ST	% tăng trưởng so với năm trước liên kế
Doanh thu (tỷ.đồng)	519	138%	657	126%	611	93%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ.đồng)	57	190%	106	185%	114	107%
Lãi cơ bản trên CP (đ/CP)	7.289	190%	9.811	134%	10.584	107%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Lê Long Giang – Giám đốc	06/02/1978	Thạc sỹ Quản trị KD	Bổ nhiệm 01/10/2021
2	Ông Nguyễn Văn Trữ - Phó giám đốc	19/08/1977	Kỹ sư chế biến LS	Bổ nhiệm 10/10/2018
3	Ông Nguyễn Huy Thông – Phó giám đốc	16/05/1977	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Bổ nhiệm 01/06/2019
4	Ông Hà Hải Yến – Phó giám đốc	16/01/1978	Kỹ sư điện	Bổ nhiệm 01/01/2023
5	Ông Nguyễn Thanh Sơn – Kế toán trưởng	21/07/1981	Thạc sỹ kế toán	Bổ nhiệm 01/01/2021 Miễn nhiệm 31/03/2023
6	Ông Lương Quốc Quyền – Trưởng phòng kế toán	15/12/1981	Thạc sỹ kế toán	Bổ nhiệm 01/04/2023

- Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên: 462 người, trong đó trình độ lao động thể hiện qua các chỉ số sau:

Thạc sỹ	:	08 người
Đại học	:	53 người
Cao đẳng	:	24 người
Trung cấp	:	51 người
Công nhân kỹ thuật và sơ cấp	:	326 người

+ Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm thất nghiệp; Người lao động đều được tham gia các tổ chức như: Công đoàn, Đoàn thanh niên; Tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình chuyên môn - tay nghề, ... Thu nhập bình quân người lao động đạt **9,5 Tr.đ/người/tháng**.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Trong niên độ 2022-2023 Công ty chỉ thực hiện các phương án cải tạo, sửa chữa lớn tại các nhà máy, nhằm ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm lao động, chưa có đầu tư thực hiện dự án mới.

4. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2020-2021		2021-2022		2022-2023	
	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề
Doanh thu (tỷ.đồng)	519	138%	657	126%	611	93%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ.đồng)	57	190%	106	185%	114	107%
Lãi cơ bản trên CP (đ/CP)	7.289	190%	9.811	134%	10.584	107%

b- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021-2022	2022-2023	Ghi chú
1	Hệ số khả năng thanh toán				
	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Lần	6,00	10,75	
	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,86	9,43	
	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,42	8,27	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,09	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,10	

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	lần	29	17
	Vòng quay tổng tài sản	lần	2,8	2,0
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	0,16	0,18
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	lần	0,54	0,43
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,45	0,39
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	0,19	0,21

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các dữ liệu thống kê về cổ đông - thời điểm gần nhất chốt danh sách:

06/11/2023

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.052.920 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.052.920 cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 10.052.920 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
1	Theo tỷ lệ		
	Cổ đông lớn	3.359.109 cổ phần	33%
	Cổ đông nhỏ	6.693.811 cổ phần	67%
2	Theo hình thức		
	Tổ chức	76.836 cổ phần	0,76%
	Cá nhân	9.976.084 cổ phần	99,24%
3	Quốc tịch		
	Cổ đông trong nước	9.930.146 cổ phần	98,78%
	Cổ đông nước ngoài	122.774 cổ phần	1,22%
4	Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định	0	0%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TT	Thời điểm thay đổi	Lý do thay đổi
1	Năm 2006 tăng vốn điều lệ lần thứ nhất từ 5 tỷ lên 6 tỷ đồng.	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

2	Năm 2007 tăng vốn điều lệ lần thứ hai từ 6 tỷ lên 11 tỷ đồng.	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	Năm 2011 tăng vốn điều lệ lần thứ ba từ 11 tỷ lên 17 tỷ đồng.	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	Năm 2013 tăng vốn điều lệ lần thứ tư từ 17 tỷ lên 34 tỷ đồng.	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	Năm 2016 tăng vốn điều lệ lần thứ năm từ 34 tỷ lên 47 tỷ đồng.	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	Năm 2019 tăng vốn điều lệ lần thứ sáu từ 47 tỷ lên 52 tỷ đồng	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	Năm 2022 tăng vốn điều lệ lần thứ bảy từ 52 tỷ lên 78 tỷ đồng	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	Năm 2023 tăng vốn điều lệ lần thứ tám từ 78 tỷ lên 100 tỷ đồng	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các loại chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1	Tổng lượng nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất		
	Tre, nứa,...xenlulo sợi dài	tấn	43.500
	Sắn củ tươi	tấn	113.000
	Cành lá que	tấn	0
	Gỗ rừng trồng	m ³	
2	Tiêu thụ năng lượng		
	Điện	Kw	13.500.000
	Củi (tận thu cành ngọn, ...)	tấn	24.300
3	Tiêu thụ nước		
	Nguồn cung cấp (tự khai thác và mua)		nước mặt
	Lượng nước sử dụng	m ³	2.410.680
4	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường		
	Số lần bị xử phạt	lần	Không
	Tổng số tiền do bị xử phạt	Tr.đ	Không
5	Chính sách người lao động		
	Số lượng lao động	người	462
	Mức lương trung bình đối với người lao động	Tr.đ/người tháng	9,5
	<i>Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động</i>		
	Trang bị đồng phục và bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động ở từng vị trí làm việc theo qui định của Nhà nước	Tr.đ	500

	Khám sức khỏe định kỳ 100% người lao động, đo môi trường lao động	Tr.đ	62
	Chi nghỉ mát cho người lao động	Trđ	1.083
	Chi nghỉ dưỡng sức, ốm đau, thai sản	Tr.đ	1.180
	Công đoàn hỗ trợ và tặng quà cho người lao động	Tr.đ	256
	Tập huấn an toàn vệ sinh lao động, Luật lao động, dân quân tự vệ...	tr.đ	101
6	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng		
	Tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện, phúc lợi xã hội, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai	Trđ	155
	Hỗ trợ phát triển nông thôn mới và cơ sở hạ tầng	Trđ	30

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2022-2023

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	2021-2022	2022-2023		%	
		KH	TH	So với KH	So với 2021-2022
Doanh thu (Tỷ.đ)	657	580	611	105%	93%
LN sau thuế (Tỷ.đ)	106	70	114	162%	107%

- Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

+ Niên độ 2022-2023 Công ty gặp nhiều khó khăn bởi sự suy thoái của kinh tế thế giới và trong nước hậu đại dịch Covid-19, ảnh hưởng của tình hình chiến tranh trên thế giới làm chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt quãng.... Tuy nhiên, dưới sự điều hành của BLĐ Công ty hoạt động SX-KD được ổn định, tạo được công việc làm cho người lao động, ổn định đời sống cho CB CNV.

+ Đặc biệt, niên độ 2022-2023 là niên độ đã phát huy tốt hiệu quả của công tác cải tiến máy móc thiết bị, hạ giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo được uy tín của Công ty trên thị trường. Vì vậy, kết quả SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao (lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch), bảo toàn được vốn chủ sở hữu, đảm bảo thu nhập cho người lao động, cũng như lợi ích của cổ đông.

2. Tình hình tài chính:

Niên độ 2022-2023 tình hình tài chính của Công ty luôn ổn định, việc bán hàng và thu hồi công nợ được trú trọng, nợ phải trả giảm và không có nợ quá hạn phải thanh toán. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và tăng so với niên độ trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban giám đốc đã duy trì họp giao ban đầu tuần để triển khai công việc trong tuần tiếp theo, hàng tháng đều có sơ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch cho tháng sau, đề ra các giải pháp cụ thể để điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- BGD xây dựng và triển khai phương án nhân sự có chiều sâu, đặc biệt là công tác cán bộ.

- Đổi mới công tác quản lý chất lượng sản phẩm, lấy khẩu hiệu chung cho toàn Công ty là “Chất lượng, Uy tín, Hiệu quả”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ổn định hoạt động SX-KD của các mặt hàng hiện có.

- Nghiên cứu một số Dự án mới, sản phẩm mới, để xem xét lựa chọn các Dự án khả thi, để tổ chức triển khai nhằm mục đích phát triển Công ty.

5. Giải trình của BGD đối với ý kiến của kiểm toán: Không

6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về bảo vệ môi trường và xã hội: Công ty luôn trú trọng công tác bảo vệ môi trường, các nhà máy đều có hệ thống xử lý môi trường đảm bảo. Thường xuyên tham gia các chương trình an sinh xã hội đối với cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty: Hoạt động SX-KD của công ty tương đối ổn định, doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch. Công ty luôn trú trọng công tác bảo vệ môi trường, hàng năm đều có đầu tư, cải tạo hệ thống xử lý môi trường để đảm bảo hoạt động SXKD được ổn định.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD Công ty: Niên độ 2022-2023, Ban Giám đốc Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty có nhiều nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ SX-KD mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

- Ổn định và phát triển bền vững Công ty trên cơ sở các mặt hàng hiện có. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động SX-KD của Công ty trên cơ sở tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Chỉ đạo nghiên cứu, tìm kiếm các dự án mới khả thi, phù hợp với điều kiện của Công ty để đầu tư phát triển Công ty trong thời gian tiếp theo.

- Kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với tình hình SX-KD của Công ty, xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo hoạt động của Ban giám đốc Công ty, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh Hệ thống Nội quy - Quy chế - Quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SX-KD.

- Đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CB CNV trong công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trương Ngọc Biên	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	619.108	6,15%
2	Lê Long Giang	TV HĐQT – Giám đốc CTY	38.043	0,37%
3	Nguyễn Quốc Trinh	TV HĐQT không điều hành	483.868	4,81%
4	Hoàng Thị Bình	TV HĐQT không điều hành	1.188.633	11,82%
5	Nguyễn Xuân Hồng	TV HĐQT độc lập	10.223	0,10%

- Niên độ 2022-2023, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp, các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phân biện và đánh giá đầy đủ, cần trọng.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua và biểu quyết với sự đồng thuận đều đạt 100%, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông báo đầy đủ, kịp thời đến Ban Giám đốc công ty và Ban kiểm soát.

- Thành viên HĐQT độc lập thường xuyên đến các nhà máy trong Công ty, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD, tham mưu cho BLĐ nhà máy tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác điều hành, quản trị. Đồng thời nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng chính đáng của người lao động. Thường xuyên tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của cổ đông, nắm bắt thông tin, ý kiến của các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ lẻ để trao đổi, bàn bạc kiến nghị của cổ đông trong các buổi họp của HĐQT. Trong niên độ 2022-2023, thành viên HĐQT độc lập không nhận được ý kiến phản ánh, khiếu kiện của các cổ đông.

2. Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng ban chuyên trách	50.000	0,49%
2	Trần Sỹ Lâm	TV BKS chuyên trách	11.300	0,11%
3	Phạm Tú Linh	TV BKS kiêm nhiệm	6.195	0,06%

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong niên độ 2022-2023, Ban kiểm soát đã họp 04 phiên để triển khai nội dung hoạt động, đồng thời kết hợp với nhiệm vụ chuyên môn, hàng tháng đều kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính, việc thực hiện chế độ chính sách Nhà nước và Điều lệ tại Công ty.

3. Lợi ích, thù lao, giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

a – Lương, phụ cấp, các khoản lợi ích khác:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số tiền
1	Trương Ngọc Biên	CT HĐQT	668.453.754 đồng
2	Lê Long Giang	TV HĐQT – GD	540.992.341 đồng
3	Nguyễn Quốc Trinh	TV HĐQT	120.000.000 đồng
4	Hoàng Thị Bình	TV HĐQT	120.000.000 đồng
5	Nguyễn Xuân Hồng	TV HĐQT	120.000.000 đồng
6	Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng BKS	345.266.846 đồng
7	Trần Sỹ Lâm	TV Ban KS	251.258.595 đồng
8	Phạm Tú Linh	TV Ban KS	289.398.540 đồng
9	Nguyễn Văn Trữ	Phó GD	435.089.845 đồng
10	Nguyễn Huy Thông	Phó GD	485.146.152 đồng
11	Hà Hải Yến	Phó GD	438.347.241 đồng
12	Lương Quốc Quyền	Trưởng phòng Kế toán	339.539.727 đồng
13	Nguyễn Thanh Sơn	Người phụ trách quản trị	401.396.745 đồng

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Trương Ngọc Biên	Chu tịch HĐQT	411.300	5,24	619.108	6,15	Mua thêm+cổ tức
2	Hoàng Thị Bình	TV.HĐQT, vợ Ô. Biên	928.620	11,82	1.188.633	11,82	Trả cổ tức bằng CP
-	Trương Thị Hoàng Yến	Con gái Ô. Biên	398.250	5,07	509.760	5,07	Trả cổ tức bằng CP
-	Trương Thị Hoàng Anh	Con gái Ô. Biên	394.488	5,02	504.944	5,02	Trả cổ tức bằng CP
-	Trương Thị Duyên	Em gái Ô. Biên	37.540	0,48	50.551	0,50	Mua thêm+cổ tức
3	Nguyễn Quốc Trinh	TV.HĐQT	378.022	4,81	483.868	4,81	Mua thêm+cổ tức
-	Trần Thị Bình	Vợ ông Trinh	210.637	2,68	269.615	2,68	Trả cổ tức bằng CP
-	Nguyễn Thùy Tiên	Con gái Ô. Trinh	28.461	0,36	36.430	0,36	Trả cổ tức bằng CP
-	Phạm Trung Tâm	Con rể Ô. Trinh	4.500	0,06	5.760	0,06	Trả cổ tức bằng CP
4	Lê Long Giang	TV.HĐQT - GD	21.909	0,28	38.043	0,37	Mua thêm+cổ tức
5	Nguyễn Xuân Hồng	TV.HĐQT	6.581	0,08	10.223	0,10	Mua thêm+cổ tức
6	Nguyễn Văn Trữ	Phó GD	26.547	0,34	39.248	0,39	Mua thêm+cổ tức

7	Nguyễn Huy Thông	Phó GD	44.110	0,56	63.000	0,62	Mua thêm+cổ tức
-	Ngô Thị Hoài	Vợ ông Thông	231	0,003	295	0,003	Trả cổ tức bằng CP
8	Hà Hải Yến	Phó GD	10.075	0,12	15.360	0,15	Mua thêm+cổ tức
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng Ban KS	38.288	0,49	50.000	0,49	Mua thêm+cổ tức
-	Nguyễn Thăng Thiệu	Chồng bà Hằng	4.500	0,06	7.500	0,07	Mua thêm+cổ tức
10	Trần Sỹ Lâm	TV Ban KS	5.525	0,07	11.300	0,11	Mua thêm+cổ tức
11	Phạm Tú Linh	TV Ban KS	3.000	0,04	6.195	0,06	Mua thêm+cổ tức
12	Lương Quốc Quyền	TP Kế toán	1.400	0,01	5.500	0,05	Mua thêm+cổ tức
13	Nguyễn Thanh Sơn	Người phụ trách quản trị	22.500	0,29	32.000	0,31	Mua thêm+cổ tức

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái tại thời điểm 30/09/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán , chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Yên Bái, ngày 20 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- + Như trên;
- + Lưu VP;



GIÁM ĐỐC

Lê Long Giang

